



zhé rén
哲人

noun · sage; philosopher

Example Sentences

Zhè wèi zhé rén tí chū le hěn duō shēn kè de wèn tí
这位哲人提出了很多深刻的问题。

This sage raised many profound questions.

Gǔ dài zhé rén de zhì huì zhì jīn réng rán qǐ fā zhe wǒ men
古代哲人的智慧至今仍然启发着我们。

The wisdom of ancient philosophers still
inspires us today.

Trace each character, then write the word on your own.

哲	哲	哲	哲	哲	哲	哲	哲	哲	哲	哲
哲	哲									
人	人	人	人	人						